

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ- ST

Ngày 17 - 4 - 2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh M

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn H

Bà Trần Thị Thanh T

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt A - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc** tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải D - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1988;

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi ở hiện tại: Khu C, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 15/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau

tại xã T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian sau đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thường xuyên rượu chè không quan tâm đến vợ con và gia đình. Năm 2023 thì chị đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó chị suy nghĩ lại cho anh H thêm cơ hội, nhưng đến nay anh H vẫn không thay đổi. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 03/9/2006; cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/8/2008; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/8/2013. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành tự lao động để nuôi sống bản thân, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu N, cháu Đ đang ở với anh H. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ còn anh H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại phiên tòa chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi cháu Đ và cháu N sau khi ly hôn và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa và những lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Anh xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Tuy nhiên hiện nay, anh không còn nhắn tin liên lạc với người phụ nữ khác và bỏ rượu chè. Chị M hiện nay đã về nhà mẹ đẻ từ khoảng năm 2023 đến nay, anh cũng đã nhiều lần đến đón chị M về nhà nhưng chị M không về. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị M nên không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung như chị M trình bày là đúng. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành tự lao động để nuôi sống bản thân, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu N, cháu Đ đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của

những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh H tại phiên tòa: Giao cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/8/2008; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/8/2013. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị M phải chi án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Do bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2022, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và thường xuyên uống rượu, không chín chu làm ăn, không quan tâm đến vợ con và gia đình. Do vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ đầu năm 2023, chị M đã về nhà mẹ đẻ chị ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Năm 2023, chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh H đến Tòa án, nhưng sau đó chị M suy nghĩ lại nên chị đã rút đơn về để cho anh H có thêm thời gian suy nghĩ và cho anh có

cơ hội sửa chữa. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị M vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về phía anh H quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã trình bày: Anh vẫn còn tình cảm với chị M nên anh không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tạo điều kiện thời gian cho anh chị đoàn tụ nhưng anh H không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, từ đầu năm 2023 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M với anh H để mỗi bên tạo lập cuộc sống mới như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 03/9/2006; cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/8/2008; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/8/2013. Hiện nay, cháu N và cháu Đ đang ở với anh H. Do cháu H1 đã trưởng thành, tự lao động được để nuôi sống bản thân nên cả chị M và anh H đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tại phiên tòa chị M đề nghị sau khi ly hôn, anh H nuôi cả hai cháu N và Đ và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H; anh H đồng ý nuôi cả hai con chung là cháu N và cháu Đ và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu N, cháu Đ đang ở ổn định cùng anh H và anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu; quá trình làm việc Tòa án đã lấy lời khai cháu N và cháu Đ, các cháu đều có nguyện vọng ở với cả chị M và anh H. Tại phiên tòa anh H, chị M đã thống nhất được về việc nuôi con sau khi ly hôn, việc thỏa thuận này là tự nguyện nên cần được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[4] Về tài sản: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn H đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25/8/2006 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/8/2013. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003562 ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn H      Trần Thị Thanh T**

**Phan Thị Thanh M**